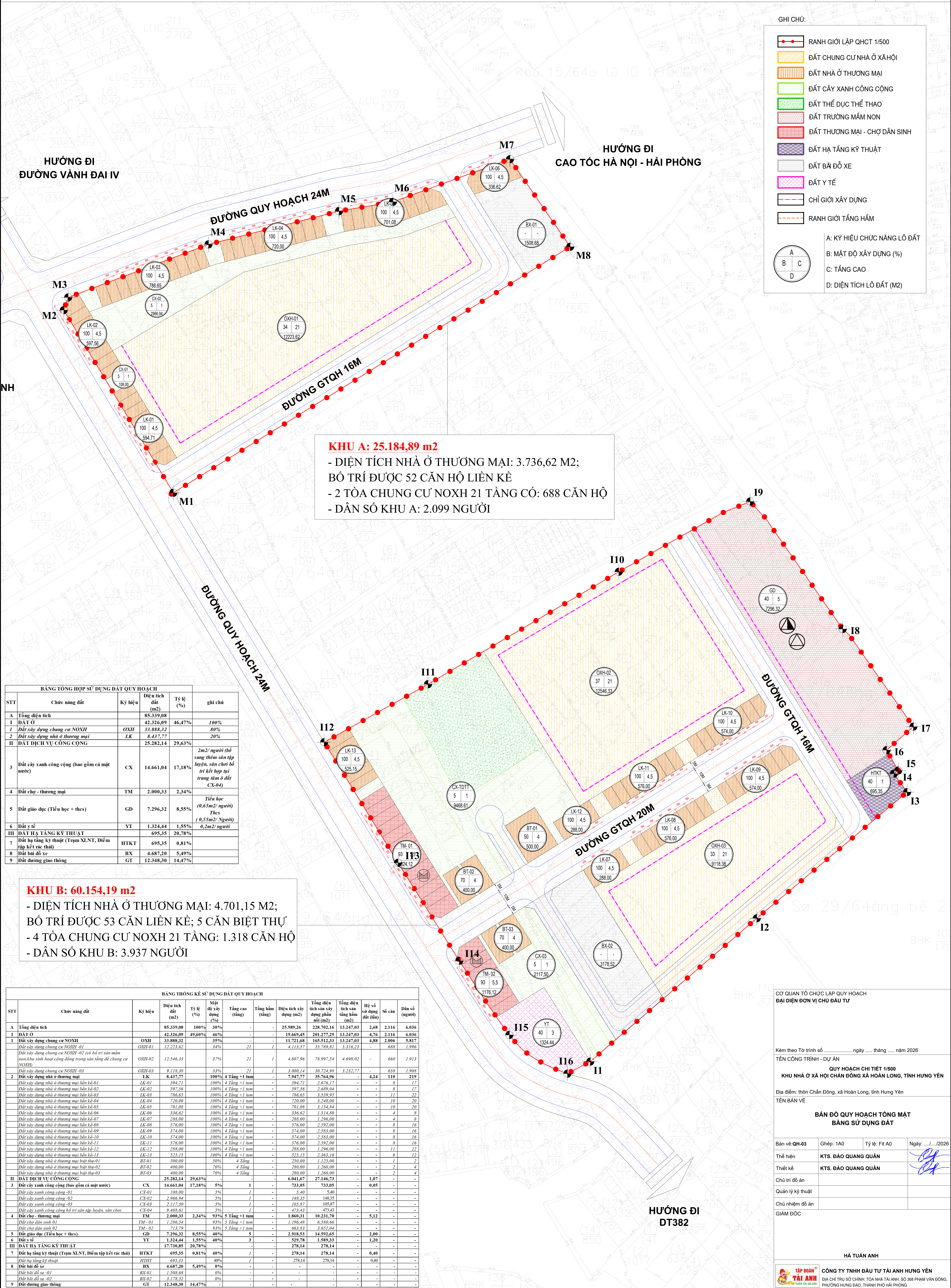
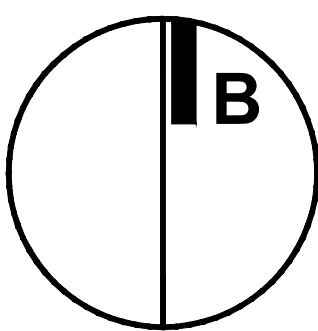


TÊN ĐỒ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở XÃ HỘI CHẤN ĐÔNG, XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN
ĐỊA ĐIỂM: THÔN CHẤN ĐÔNG, XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẬT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



HƯỚNG ĐI
ĐƯỜNG VÀNH ĐAI IV

HƯỚNG ĐI
CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

KHU A: 25.184,89 m²
- DIỆN TÍCH NHÀ Ở THƯƠNG MẠI: 3.736,62 M²;
BỐ TRÍ ĐƯỢC 52 CĂN HỘ LIÊN KỀ
- 2 TÒA CHUNG CƯ NOXH 21 TẦNG CÓ: 688 CĂN HỘ
- DÂN SỐ KHU A: 2.099 NGƯỜI

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI LẬP QHCT 1/500
- ĐẤT CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI
- ĐẤT NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG
- ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
- ĐẤT THƯƠNG MẠI - CHỢ DÂN SINH
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT Y TẾ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- RANH GIỚI TẦNG HẦM

A: KÝ HIỆU CHỨC NĂNG LỘ ĐẤT
B: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
C: TẦNG CAO
D: DIỆN TÍCH LỘ ĐẤT (M²)

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH				
STT	Chức năng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Tổng diện tích		85.339,08	
I	ĐẤT Ở		42.326,09	46,47%
1	Đất xây dựng chung cư NOXH	OXH	33.888,32	80%
2	Đất xây dựng nhà ở thương mại	LK	8.437,77	20%
II	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG		25.282,14	29,63%
3	Đất cây xanh công cộng (bao gồm cả mặt nước)	CX	14.661,04	17,18%
4	Đất chợ - thương mại	TM	2.000,33	2,34%
5	Đất giao dực (Tiểu học + THCS)	GD	7.296,32	8,55%
6	Đất y tế	YT	1.324,44	1,55%
III	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		695,35	0,81%
7	Đất hạ tầng kỹ thuật (Trạm XLNT, Điểm tập kết rác thải)	HTKT	695,35	0,81%
8	Đất bãi đỗ xe	BX	4.687,20	5,49%
9	Đất đường giao thông	GT	12.348,30	14,47%

KHU B: 60.154,19 m²
- DIỆN TÍCH NHÀ Ở THƯƠNG MẠI: 4.701,15 M²;
BỐ TRÍ ĐƯỢC 53 CĂN LIỀN KỀ; 5 CĂN BIỆT THỰ
- 4 TÒA CHUNG CƯ NOXH 21 TẦNG: 1.318 CĂN HỘ
- DÂN SỐ KHU B: 3.937 NGƯỜI

BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH												
STT	Chức năng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Tầng hầm (tầng)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sân vận dụng phân (m ²)	Tổng diện tích sân vận dụng phân (m ²)	Hệ số sử dụng đất (đàn)	Số căn
A	Tổng diện tích		85.339,08	100%	30%	-	-	25.989,26	218.702,16	13.247,03	2,68	2.116
I	ĐẤT Ở		42.326,09	49,60%	46%	-	-	19.669,45	201.277,29	13.247,03	4,76	2.116
1	Đất xây dựng chung cư NOXH	OXH	33.888,32	35%	-	-	-	11.721,68	165.512,33	13.247,03	4,88	2.006
	Đất xây dựng chung cư NOXH-01	OXH-01	12.232,62	34%	21	1	1	4.113,57	55.789,81	5.316,23	-	688
	Đất xây dựng chung cư NOXH-02	OXH-02	12.546,33	37%	21	1	1	4.607,96	78.997,54	4.698,02	-	660
	Đất xây dựng chung cư NOXH-03	OXH-03	9.118,38	33%	21	1	1	3.000,14	30.724,98	3.322,77	-	658
2	Đất xây dựng nhà ở thương mại	LK	8.437,77	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	7.947,77	35.764,96	-	4,24	110
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-01	LK-01	594,71	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	594,71	2.676,17	-	8	17
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-02	LK-02	597,36	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	597,36	2.689,04	-	8	17
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-03	LK-03	736,65	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	736,65	3.339,95	-	11	22
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-04	LK-04	720,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	720,00	3.340,00	-	10	20
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-05	LK-05	701,08	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	701,08	3.154,84	-	10	20
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-06	LK-06	336,62	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	336,62	1.514,80	-	4	8
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-07	LK-07	288,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	288,00	1.206,00	-	4	8
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-08	LK-08	576,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	576,00	2.592,00	-	8	16
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-09	LK-09	574,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	574,00	2.583,00	-	8	16
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-10	LK-10	574,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	574,00	2.583,00	-	8	16
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-11	LK-11	576,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	576,00	2.592,00	-	8	16
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-12	LK-12	288,00	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	288,00	1.206,00	-	4	8
	Đất xây dựng nhà ở thương mại liên kế-13	LK-13	525,15	100%	4 Tầng +1 tum	-	-	525,15	2.363,16	-	6	12
	Đất xây dựng nhà ở thương mại biệt thự-01	BT-01	500,00	50%	4 Tầng	-	-	250,00	1.125,00	-	1	2
	Đất xây dựng nhà ở thương mại biệt thự-02	BT-02	400,00	70%	4 Tầng	-	-	280,00	1.260,00	-	2	4
	Đất xây dựng nhà ở thương mại biệt thự-03	BT-03	400,00	70%	4 Tầng	-	-	280,00	1.260,00	-	2	4
II	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG		25.282,14	29,63%	-	-	-	6.041,67	27.146,73	-	1,07	-
3	Đất cây xanh công cộng (bao gồm cả mặt nước)	CX	14.661,04	17,18%	5%	1	-	733,05	733,05	-	0,05	-
	Đất cây xanh công cộng-01	CX-01	108,00	5%	1	-	-	5,40	5,40	-	-	-
	Đất cây xanh công cộng-02	CX-02	2.966,94	5%	1	-	-	148,35	148,35	-	-	-
	Đất cây xanh công cộng-03	CX-03	2.117,50	5%	1	-	-	105,87	105,87	-	-	-
	Đất cây xanh công cộng-04	CX-04	9.468,61	5%	1	-	-	473,43	473,43	-	-	-
4	Đất chợ - thương mại	TM	2.000,33	2,34%	93%	5 Tầng +1 tum	-	1.860,31	10.231,70	-	5,13	-
	Đất chợ dân sinh-01	TM-01	1.286,34	93%	5 Tầng +1 tum	-	-	1.196,48	6.030,66	-	-	-
	Đất chợ dân sinh-02	TM-02	713,79	93%	5 Tầng +1 tum	-	-	663,83	3.651,04	-	-	-
5	Đất giao dực (Tiểu học + THCS)	GD	7.296,32	8,55%	40%	5	-	2.918,53	14.592,65	-	3,00	-
6	Đất y tế	YT	1.324,44	1,55%	40%	3	-	529,78	1.559,33	-	1,20	-
III	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		695,35	0,81%	40%	-	-	278,14	278,14	-	0,40	-
	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	695,35	0,81%	40%	-	-	278,14	278,14	-	0,40	-
8	Đất bãi đỗ xe	BX	4.687,20	5,49%	0%	-	-	-	-	-	-	-
	Đất bãi đỗ xe-01	BX-01	1.508,68	0%	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất bãi đỗ xe-02	BX-02	3.178,52	0%	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Đất đường giao thông	GT	12.348,30	14,47%	-	-	-	-	-	-	-	-

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

Kèm theo Tờ trình số Ngày tháng năm 2026

TÊN CÔNG TRÌNH - DỰ ÁN
QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500
KHU NHÀ Ở XÃ HỘI CHẤN ĐÔNG XÃ HOÀN LONG, TỈNH HƯNG YÊN

Địa điểm: thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên

TÊN BẢN VẼ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẬT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

Bản vẽ: QH-03 | Ghép: 1A0 | Tỷ lệ: Fit A0 | Ngày:/2026

Thế hiện | KTS. ĐÀO QUANG QUẢN

Thiết kế | KTS. ĐÀO QUANG QUẢN

Chủ trì đồ án

Quản lý kỹ thuật

Chủ nhiệm đồ án

GIÁM ĐỐC

HÀ TUẤN ANH

TẬP ĐOÀN TÀI ANH
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TÀI ANH HƯNG YÊN
ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH: TÒA NHÀ TÀI ANH, SỐ 388 PHẠM VĂN ĐỒNG, PHƯỜNG HƯNG ĐÀO, THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG